

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2021 - Tỉnh Yên Bái

#### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

##### 1.1. Sản xuất nông nghiệp

###### \* Cây hàng năm

*Về diện tích:* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm 2021 ước tính đạt 101.512,06 ha, giảm 0,03% so với năm 2020. Trong đó:

Diện tích gieo trồng cây lúa đạt 42.622,83 ha, vượt 3,83% so với kế hoạch, giảm 0,56% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng cây ngô đạt 29.465,6 ha, vượt 1,96% kế hoạch, tăng 0,38% so với cùng kỳ. Diện tích ngô tăng là do các địa phương (huyện Lục Yên, TP Yên Bái, huyện Mù Cang Chải) đã chuyển đổi một số diện tích cây trồng không hiệu quả sang trồng cây ngô vụ mùa. Cùng với đó là lực lượng lao động tự do không đi làm ăn xa được (do tình hình dịch Covid-19), ở nhà tham gia vào việc canh tác nông nghiệp nhiều hơn.

Diện tích gieo trồng nhóm cây lấy củ có chất bột đạt 12.512,01 ha, tăng 0,01% so với cùng kỳ (diện tích tăng chủ yếu ở cây khoai sọ tại các huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải). Trong đó: Khoai sọ đạt 432,3 ha, tăng 34,09% so với cùng kỳ (nguyên nhân tăng là do tỉnh có chính sách hỗ trợ thực hiện các dự án mô hình mới “cây khoai sọ” tại 2 huyện Trạm Tấu và Mù Cang Chải); Dong giềng đạt 123,5 ha; khoai tây đạt 69,09 ha; sắn dây đạt 4,7 ha; cây lấy củ có chất bột khác đạt 2,2 ha. Tuy nhiên cũng có một số nhóm cây giảm như: Khoai lang cả năm đạt 3.190,22 ha, giảm 1,95% so với cùng kỳ; Cây sắn ước tính đạt 8.688,7 ha, giảm 0,24% so với cùng kỳ.

Diện tích cây mía đạt 311,6 ha, giảm 14,37% so với cùng kỳ. Diện tích nhóm cây lấy sợi (cây lanh) đạt 24,9 ha, giảm 1,19% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng nhóm cây có hạt chứa dầu đạt 2.033,48 ha, giảm 0,47% so với cùng kỳ. Trong đó: Đậu tương đạt 170,37 ha, tăng 0,21%; lạc đạt 1.805,04 ha, tăng 2,59%; vừng đạt 33,07 ha, giảm 37,05% so với cùng kỳ.

Diện tích rau các loại đạt 11.844,5 ha, vượt 13,88% so với kế hoạch, tăng 3,36% so với cùng kỳ; đậu các loại đạt 623,59 ha, giảm 0,2% so với cùng kỳ.

Diện tích nhóm cây hàng năm khác đạt 2.697,14 ha, giảm 7,65% so với cùng kỳ (giảm ở hầu hết các loại cây). Trong đó giảm mạnh nhất là ở cây sả tại huyện Văn Yên giảm 46,64% so với cùng kỳ, do bà con chuyển diện tích sả sang trồng sản phục vụ nhà máy sả của huyện có thu nhập cao hơn.

*Ước năng suất cây hàng năm cả năm 2021:* Năng suất lúa đạt 51,77 tạ/ha, đạt 99,34% kế hoạch, tăng 0,53% so với cùng kỳ (Nguyên nhân tăng là do thời tiết thuận lợi cho việc gieo trồng, sinh trưởng phát triển cây lúa, sâu bệnh được kiểm soát); ngô đạt 35,24 tạ/ha, đạt 99,85% kế hoạch, tăng 1,37% so với cùng kỳ; khoai lang đạt 55,97 tạ/ha, tăng 0,01% so với cùng kỳ; Sắn đạt 197,74 tạ/ha; khoai sọ đạt 133,24 tạ/ha; dong giềng đạt 226,55 tạ/ha; cây mía đạt 215,94 tạ/ha; cây lanh đạt 10,6 tạ/ha; đậu tương đạt 12,63 tạ/ha; lạc đạt 18,66 tạ/ha; vừng đạt 4,84 tạ/ha; rau các loại đạt 118,53 tạ/ha, đậu các loại đạt 6,88 tạ/ha...

*Ước sản lượng cây hàng năm cả năm 2021:* Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 321.468,81 tấn, vượt 2,71% kế hoạch, tăng 0,53% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng lúa đạt 217.641,38 tấn, vượt 3,14% kế hoạch, giảm 0,04% so với cùng kỳ (nguyên nhân do diện tích gieo trồng lúa giảm); Sản lượng ngô đạt 103.828,55 tấn, vượt 1,79% kế hoạch, tăng 1,74% so với cùng kỳ.

Sản lượng khoai lang đạt 17.854,27 tấn, giảm 1,94% so với cùng kỳ; cây sắn đạt 171.808,04 tấn, vượt 1,48% so với kế hoạch, tăng 0,13% so với cùng kỳ; khoai sọ đạt 5.749,65 tấn; dong giềng đạt 2.797,87 tấn; mía đạt 6.728,71 tấn, giảm 16,74% so với cùng kỳ (nguyên nhân do diện tích gieo trồng, năng suất giảm so với cùng kỳ); cây lanh đạt 26,39 tấn; Đậu tương đạt 215,1 tấn, tăng 0,78% so với cùng kỳ; lạc đạt 3.368,32 tấn, tăng 2,63%; vừng đạt 16,02 tấn, giảm 35,77% so với cùng kỳ; rau các loại đạt 131.722,75 tấn, vượt 9,31% so với kế hoạch, tăng 3,71% so với cùng kỳ; đậu các loại đạt 429,19 tấn, tăng 0,51% so với cùng kỳ.

\* *Cây lâu năm:* Trong 9 tháng đầu năm 2021 được sự hỗ trợ của tỉnh theo Nghị quyết 69/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ phát triển cây có múi và chè vùng cao trên địa bàn tỉnh, so với cùng kỳ năm trước diện tích và sản lượng cây lâu năm của tỉnh đạt khá.

*Về diện tích:* Tổng diện tích hiện có ước đạt 20.470,75 ha so với cùng kỳ năm trước tăng 0,7% (diện tích tăng chủ yếu ở cây ăn quả), trong đó:

Diện tích cây ăn quả các loại đạt 9.985,57 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,92% (diện tích cây ăn quả tăng do trong 9 tháng đầu năm 2021 huyện Văn Chấn thực hiện dự án trồng mới 208,24 ha cây Mắc ca và một số cây ăn quả có diện tích lớn như bưởi tăng 9,37%...

Diện tích cây cao su hiện có là 2.270,7 ha, bằng 100% so với cùng kỳ.

Diện tích cây chè hiện có đạt 7.194,92 ha, so với cùng kỳ năm trước giảm 4,0% (giảm 300,06 ha). Diện tích chè so với năm trước giảm do một số diện tích chè già cỗi, giống cũ năng suất thấp, các địa phương đã chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao như cây ăn quả hoặc các loại cây trồng đòi hỏi ít đầu tư chăm sóc hơn như cây lâm nghiệp, cây quế... dẫn đến diện tích chè toàn tỉnh giảm.

Diện tích cây gia vị, dược liệu lâu năm hiện có đạt 72,42 ha tăng 287,9%; nguyên nhân tăng do trên địa bàn huyện Trấn Yên thực hiện quyết định 6538/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện về Phê duyệt dự án “Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trồng cây dược liệu lá khô dưới tán rừng trồng sản xuất và dưới tán cây đất vườn hộ tại các xã trên địa bàn huyện”.

Diện tích cây dâu tằm hiện có đạt 907,28 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,67%.

*Ước sản lượng 9 tháng:* Sản lượng cây ăn quả thu hoạch đạt 29.364,64 tấn so với cùng kỳ tăng 3,82%, sản lượng tăng chủ yếu ở một số loại cây như: Cây chuối tăng 1,62%; cây Cam tăng 15,63%; cây bưởi tăng 2,67%,... . Sản lượng chè búp đạt 59.001,26 tấn, giảm 0,03% so với cùng kỳ. Sản lượng dâu tằm đạt 13.336,7 tấn, tăng 4,44% so với cùng kỳ, sản lượng tăng do diện tích cho sản phẩm tăng.

*\* Chăn nuôi và tình hình phòng chống dịch bệnh*

*Chăn nuôi:* Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống và ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn châu Phi, duy trì tổng đàn lợn ở mức trên 500 nghìn con; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia cầm, thủy cầm; phát triển nhanh đàn gia súc ăn cỏ, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật.

Trong tháng kiểm dịch vận chuyển xuất ra ngoài tỉnh được 74 chuyến với 25.214 con gia súc, gia cầm và 07 chuyến và 289.000 trứng giống. Cấp 04 giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, 01 chứng chỉ hành nghề thú y, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.

Giá lợn hơi trung tuần duy trì ở mức 51.000 - 54.000 đồng/kg; Giá sản phẩm thịt lợn trung bình duy trì ở mức 90.000 đồng/kg nông sản.

*Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm và công tác phòng chống<sup>1</sup>*

Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu bò (VDNC): trong tháng bệnh VDNC phát sinh thêm tại 03 hộ dân của các thôn, xã đang có dịch (phát sinh tại 02 hộ dân ngày 16/8/2021 tại xã Nậm Có huyện Mù Cang Chải, tại 01 hộ dân tại xã Thạch Lương thị xã Nghĩa Lộ); Tổng số bò mắc bệnh, có triệu chứng lâm sàng của bệnh phát sinh trong tháng là 03 con, số bò tiêu hủy 01 con, trọng lượng 53 kg. Lũy kế từ ngày 29/3/2021 đến ngày 16/8/2021 dịch bệnh VDNC xảy ra tại 137 hộ, thuộc 80 thôn/bản, của 49 xã, 9/9 huyện, thị xã, thành phố.

<sup>1</sup>Nguồn: Báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT

Tổng số bò mắc bệnh và có triệu chứng bệnh là 208 con, số bò tiêu hủy 78 con với tổng trọng lượng 14.028 kg.

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: Trong tháng Dịch tả lợn Châu Phi phát sinh thêm tại 62 hộ dân, 16 thôn/bản, 08 xã của thị xã Nghĩa Lộ, thành phố Yên Bái; Tổng số lợn mắc bệnh phát sinh trong tháng là 292 con, số lợn tiêu hủy 292 con, trọng lượng 19.667 kg. Lũy kế từ ngày 19/4/2021 đến ngày 13/9/2021 Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 70 hộ, 23 thôn/bản, 14 xã của huyện Mù Cang Chải, thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ. Tổng số lợn mắc bệnh 396 con, số lợn chết và tiêu hủy 396 con; trọng lượng 24.593 kg.

Bệnh Cúm gia cầm: Trong tháng bệnh Cúm gia cầm không phát sinh. Lũy kế từ ngày 25/01/2021 đến 09/02/2021 bệnh Cúm gia cầm A/H5N6 xảy ra tại 02 hộ, 02 thôn, 02 xã của huyện Trấn Yên, thành phố Yên Bái. Tổng số gà mắc bệnh, chết là 9.500 con, số gà tiêu hủy là 9.500 con.

Công tác phòng, chống dịch: Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Yên Bái phối hợp với phòng Nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ phát triển nông nghiệp các huyện, thành phố có phát sinh dịch bệnh chỉ đạo, hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Viêm da nổi cục, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại địa bàn các xã có dịch; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, giám sát dịch bệnh tại các hộ chăn nuôi trên địa bàn; tăng cường triển khai tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm.

Trong tháng Chi cục đã cấp 964 lít thuốc sát trùng cho thị xã Nghĩa Lộ phun tiêu độc khử trùng phòng, chống dịch bệnh Dịch tả lợn châu Phi. Tổng số Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã cấp 3.060 lít thuốc sát trùng phun tiêu độc khử trùng phòng, chống dịch bệnh. cấp 27.000 liều vắc xin Viêm da nổi cục để tiêm phòng chống dịch bệnh. Tính đến ngày 15/9/2021 các huyện, thị xã, thành phố tiêm được 28.556 liều vắc xin phòng bệnh Viêm da nổi cục cho đàn trâu, bò.

Công tác tiêm phòng vắc xin: Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã cấp 73.025 liều vắc xin Lở mồm long móng. Kết quả tiêm phòng các loại vắc xin định kỳ cho đàn gia súc đến ngày 15/9/2021 cụ thể như sau: THT trâu bò là 27.831 liều; THT lợn 57.245 liều; Dịch tả lợn là 58.303 liều; Đại là 51.477 liều; Lở mồm long móng là 61.423 liều.

Công tác phun tiêu độc khử trùng phòng Cúm gia cầm và giám sát lưu hành vi rút Cúm gia cầm: Chi cục chăn nuôi và Thú y đã cấp 6.590 lít thuốc tiêu độc khử trùng cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện phun tiêu độc khử trùng phòng bệnh Cúm gia cầm. Thực hiện lấy 150 mẫu dịch hầu họng gia cầm (30 mẫu gộp) tại huyện Lục Yên, Trấn Yên, thành phố Yên Bái. Kết quả xét nghiệm tại địa bàn tỉnh Yên Bái không lưu hành virut cúm gia cầm A/H5.

## **1.2. Sản xuất lâm nghiệp**

Đến ngày 15/9/2021 trồng rừng tập trung được 11.116,0 ha; trồng cây phân tán được 4.097,0 nghìn cây. Khai thác gỗ rừng trồng được 468.805 m<sup>3</sup>,

đạt 82,24% KH; khai thác tre, vầu, nứa 50.600 tấn, đạt 56,2% KH; 1.146,6 nghìn ster củi; 37,8 nghìn tấn măng các loại; 13,7 nghìn tấn vỏ quế; 50,9 nghìn tấn cành lá quế...

### 1.3. Thủy sản

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có là 2.485,0 ha, đạt 93,42% KH. Sản lượng nuôi trồng và khai thác 9 tháng ước đạt 9.647,55, đạt 81,75 % KH. Sản xuất cá bột các loài ước đạt 60,4 triệu con, tăng 4,7 % so với cùng kỳ. Duy trì và hướng dẫn nuôi 2.504 lồng cá, đạt 96,3% KH.

### 2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 9/2021 tăng 6,97% so với tháng trước và tăng 8,71% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, chỉ số công nghiệp toàn ngành tăng 8,07%<sup>2</sup> so với cùng kỳ. Phân theo ngành công nghiệp cấp 2 thì một số ngành sản xuất có chỉ số sản xuất 9 tháng đầu năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ như: Khai thác quặng kim loại tăng 48,61%; Dệt tăng 6,18%; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 15,81%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 6,77%; In, sao chép bản ghi các loại tăng 7,81%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 21,52%; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 8,68%; Sản xuất kim loại tăng 72,89%; Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 15,5%; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí tăng 12,09%; Khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 4,05%,... . Ngoài các ngành có mức tăng trên thì một số ngành công nghiệp cấp 2 giảm so với cùng kỳ là: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 7,75%; Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 32,45%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 7,79%.

Một số sản phẩm chính có chỉ số sản xuất 9 tháng đầu năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ là: Quặng sắt và tinh sắt chưa nung kết tăng 58,49%; đá phiến tăng 17,4%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 11,08%; gỗ dán tăng 8,1%; ván ép tăng 78,68%; giấy làm vàng mã tăng 15,01%; các loại đá lát, đá lát lề đường tăng 23,16%; các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác chưa được phân vào đâu tăng 16,89%; thanh, que bằng thép hợp kim nhôm tăng 72,89%; điện sản xuất tăng 12,14%; điện thương phẩm tăng 11,79%;... . Bên cạnh đó còn có các sản phẩm có mức giảm so với cùng kỳ như: Quặng chì và tinh quặng chì giảm 5,61%; Đá xây dựng khác giảm 21,19%; tinh bột sắn giảm 42,44%; Chè giảm 9,71%; quần áo lót người lớn giảm 28,43%; quần áo các loại giảm 9,07%; gỗ cửa hoặc xẻ giảm 13,68%; bao bì và túi bằng giấy giảm 12,66%; sản phẩm in khác giảm 31,69%; sơn và vec ni giảm 43,75%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại giảm 65,16%;...

<sup>2</sup> Trong đó ngành công nghiệp khai khoáng tăng 16,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,51%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 12,09%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,12%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 9/2021 có mức tiêu thụ giảm 7,8% so với tháng trước, tăng 15,27% so với tháng 9/2020. Tính chung 9 tháng tăng 0,5% so với cùng kỳ, trong đó một số sản phẩm có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Vỏ bào, dăm gỗ tăng 8,07%; ván ép tăng 79,95%; giấy làm vàng mã tăng 15,44%; các loại đá lát, đá lát lê đường tăng 17,22%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên hay nhân tạo tăng 19,36%,... . Các sản phẩm có chỉ số tiêu thụ giảm so với cùng kỳ là: Tinh bột sắn giảm 12,09%; quần áo các loại giảm 9,94%; gỗ cưa hoặc xẻ giảm 24,2%; gỗ lạng giảm 31,41%; bao bì và túi bằng giấy giảm 33,19%; sản phẩm in khác giảm 31,69%; sơn và vec ni giảm 43,75%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại giảm 61,05%;...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2021 tăng 2,17% so với tháng trước, tăng 5,65% so với tháng 9/2020, một số sản phẩm có mức tồn kho tăng cao so với tháng cùng kỳ là: Chè tăng 12,22%; Quần áo các loại tăng 44,76%; ván ép từ gỗ tăng 1,65 lần; bao bì và túi bằng giấy 1,36 lần; dược phẩm khác tăng 1,57 lần; xi măng tăng 77,59%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên tăng 38,88%,... . Các ngành có mức tồn kho giảm như: Gỗ cưa hoặc xẻ giảm 12,89%; gỗ lạng giảm 26,87%; giấy làm vàng mã giảm 6,57%; các loại đá lát, đá lát lê đường giảm 6,85%;...

Chỉ số sử dụng lao động: Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến cuối tháng 9/2021 tăng 3,61%<sup>3</sup> so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 0,66%; ngành chế biến, chế tạo tăng 3,24%; sản xuất và phân phối điện tăng 11,32%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,17% so với cùng kỳ.

Trong bối cảnh khó khăn chung do ảnh hưởng của dịch Covid-19, song với quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép”, ngành công nghiệp tỉnh Yên Bái tiếp tục được duy trì và có bước phát triển, chỉ số sản xuất công nghiệp chín tháng đạt mức tăng trưởng khá (8,07%). Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh có quy mô sản xuất lớn, chất lượng ổn định, tạo được thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước như: Xi măng, gỗ, giấy đế, giấy vàng mã, bột đá, đá xẻ, chè, điện sản xuất... Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, bất cập, như: Công nghiệp chưa có sự bứt phá mạnh mẽ, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện chưa đạt yêu cầu đề ra; cơ cấu lại ngành công nghiệp còn chậm và chưa rõ nét; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển; chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu phục vụ cho xuất khẩu. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, dây chuyền công nghệ sản xuất chậm được đổi mới, chất lượng sản phẩm còn thấp, mẫu mã đơn giản,... hạ tầng giao thông còn bất cập, thiếu đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu thợ tay

<sup>3</sup> Chia theo loại hình doanh nghiệp lao động doanh nghiệp nhà nước tăng 5,59% (Cty Điện lực tăng 50 lao động so với cùng kỳ); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 2,16%; doanh nghiệp FDI tăng 6,78% (một số doanh nghiệp FDI mở rộng quy mô sản xuất).

ngành cao; cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư vào phát triển công nghiệp chưa phát huy được hiệu quả, việc huy động, bố trí các nguồn lực phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến thiếu mặt bằng sạch để thu hút đầu tư; chưa tạo ra nhiều chuỗi liên kết sản xuất, gia tăng giá trị các sản phẩm công nghiệp của tỉnh,...

Để ngành công nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cả nước, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh Yên Bái và trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: khai thác quặng kim loại, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại, sản xuất kim loại, sản xuất và phân phối điện,... đồng thời trong thời gian tới các cấp, các ngành cần có những giải pháp cụ thể khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp (đặc biệt là thu hút các doanh nghiệp chế biến sâu khoáng sản, lâm sản) đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp, các dự án thủy điện, các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp Bảo Hưng và cụm công nghiệp Minh Quân. Tiếp tục hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề gắn với chế biến, tiêu thụ nông lâm sản, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo việc làm và thu nhập cho lao động tại chỗ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, trên cơ sở xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa ngành công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, vận tải, logistics, xuất, nhập khẩu,...

### **3. Vốn đầu tư, xây dựng**

#### **3.1. Vốn đầu tư**

\* Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn quý III/2021 ước đạt 5.245.032 triệu đồng, tăng 34,8% so với quý trước, tăng 9,91% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khu vực Nhà nước đạt 1.754.520 triệu đồng<sup>4</sup>, chiếm 33,45% tổng vốn, tăng 67,98% so với quý trước, tăng 16,93% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực ngoài Nhà nước đạt 3.313.221 triệu đồng<sup>5</sup>, chiếm 63,17% trong tổng số, tăng 22,19% so với quý trước, tăng 7,66% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 177.291 triệu đồng, chiếm 3,38% trong tổng số, tăng 31,49% so với quý trước, giảm 8,72% so với cùng

<sup>4</sup> Chia ra: Vốn ngân sách nhà nước ước đạt 1.166.577 triệu đồng, chiếm 66,49%, tăng 50,42% so với quý trước, tăng 24,5% so với cùng kỳ năm trước. Vốn trái phiếu Chính phủ đạt 22.104 triệu đồng, chiếm 1,26%, tăng 1,21 lần so với quý trước, tăng 0,11% so với cùng kỳ. Vốn vay từ các nguồn khác đạt 9.345 triệu đồng, chiếm 0,53%, tăng 0,73% so với quý trước, giảm 43,51% so với cùng kỳ năm trước. Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước đạt 24.096 triệu đồng, chiếm 1,37%, tăng 60,33% so với quý trước, tăng 44,5% so với cùng kỳ năm trước. Vốn khác đạt 532.398 triệu đồng, chiếm 30,35%, tăng 1,26 lần so với quý trước, tăng 4,75% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>5</sup> Bao gồm: Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước ước đạt 1.350.364 triệu đồng, chiếm 40,76%, tăng 26,52% so với quý trước, tăng 1,63% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư của dân cư ước đạt 1.962.857 triệu đồng, chiếm 59,24%, tăng 19,38% so với quý trước, tăng 12,24% so với cùng kỳ năm trước.

kỳ năm trước.

Quý III/2021 là thời điểm các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh được tích cực triển khai do Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các địa phương và các đơn vị chủ đầu tư bám sát, thường xuyên đôn đốc các đơn vị thi công, cập nhật tiến độ triển khai thực hiện, báo cáo định kỳ quá trình thực hiện qua đó nhiều khó khăn, vướng mắc đã được các cấp, các ngành tập trung tháo gỡ; công tác giải phóng mặt bằng một số dự án đã được chủ đầu tư chủ động phối hợp tốt với các địa phương triển khai thực hiện đảm bảo mặt bằng thi công; đơn giá vật liệu xây dựng được điều chỉnh và cập nhật thường xuyên.

Một số nguồn vốn giải ngân cơ bản đáp ứng yêu cầu, gồm: Vốn dự phòng ngân sách trung ương (87,2%); vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương, phần vốn đã có nguồn (59,7%); một số địa phương có kết quả giải ngân tốt như: Huyện Văn Chấn (74,6%); huyện Yên Bình (74,4%); huyện Văn Yên (69,5%); thành phố Yên Bái (67,6%); huyện Trạm Tấu (64,3%); huyện Lục Yên (63,4%); huyện Trấn Yên (62,5%);...

Các đơn vị chủ đầu tư đẩy nhanh các thủ tục điều chỉnh dự án (đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh do biến động giá), tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án trọng điểm, đặc biệt đối với các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng vốn ngân sách trung ương để kịp thời triển khai ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2021.

Tiếp tục tập trung đôn đốc các đơn vị nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đang triển khai, bảo đảm chất lượng thi công công trình; chủ động, quyết liệt trong công tác giải ngân, thanh toán; ưu tiên giải ngân thanh toán cho các nhà thầu, các gói thầu có tiến độ thực hiện tốt và các dự án, công trình trọng điểm để đảm bảo tiến độ giải ngân chung theo kế hoạch của tỉnh.

Đối với các dự án chậm tiến độ kiên quyết có giải pháp bổ sung nhà thầu phụ, thay thế nhà thầu hoặc điều chuyển khối lượng cho nhà thầu trong liên danh để đẩy nhanh tiến độ thi công công trình; lập danh sách các nhà thầu tư vấn, xây lắp... chậm tiến độ để theo dõi, đánh giá việc triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh, không thực hiện tiếp tục giao thầu cho các nhà thầu chậm tiến độ.

\* Dự ước vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn 9 tháng năm 2021 đạt 11.781.134 triệu đồng, đạt 65,45% kế hoạch, tăng 9,77% so với cùng kỳ. Trong đó: Khu vực Nhà nước trên địa bàn đạt 3.613.933 triệu đồng<sup>6</sup>,

<sup>6</sup> Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước đạt 2.571.485 triệu đồng, chiếm 71,15%, đạt 64,49% kế hoạch, tăng 18,65% so với cùng kỳ; Trái phiếu Chính phủ đạt 36.795 triệu đồng, chiếm 1,02%, đạt 62,63% kế hoạch, giảm 11,11% so với cùng kỳ; Vốn vay từ các nguồn khác đạt 22.495 triệu đồng, chiếm 0,62%, đạt 40,9% kế hoạch, giảm 17,26% so với cùng kỳ; Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước đạt 45.682 triệu đồng, chiếm 1,27%, đạt 60,91% kế hoạch, tăng 38,27% so với cùng kỳ; Vốn khác đạt 937.476 triệu đồng, chiếm 25,94%, đạt 73,35% kế hoạch, tăng 5,06% so với cùng kỳ.



chiếm 30,68%, đạt 66,26% kế hoạch, tăng 14,32% so với cùng kỳ. Tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc khu vực Nhà nước qua hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước từ đầu năm đến hết ngày 31/8/2021 đạt 1.897,8 tỷ đồng, đạt 44,53% kế hoạch vốn đã được phân bổ là 4.262 tỷ đồng (cùng thời điểm này năm trước đạt 2.405 tỷ đồng, đạt 52,51% kế hoạch vốn được phân bổ).

Khu vực ngoài Nhà nước đạt 7.789.728 triệu đồng<sup>7</sup>, chiếm 66,12%, đạt 68,66% kế hoạch, tăng 8,47% so với cùng kỳ. Tiếp tục khẳng định vai trò là nguồn lực quan trọng trong thu hút đầu tư tại Yên Bái, trong quý III/2021 nhiều dự án trọng điểm của khu vực này được tập trung triển khai như: Dự án thủy điện Phìn Hồ, Đé Dính Máo, Mý Háng Tàu của Công ty TNHH Quang Đạt; dự án xây dựng nhà máy thủy điện Thác Cá 1 của Công ty TNHH Xuân Thiện Yên Bái; dự án xây dựng nhà máy thủy điện Sài Lương huyện Văn Chấn của Công ty cổ phần phát triển Sài Lương; dự án xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3 của Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành; dự án xây dựng nhà máy thủy điện Chí Lư của Công ty TNHH đầu tư và phát triển điện Yên Bái; dự án đầu tư xây dựng nâng cấp dây truyền sản xuất bột CaCo<sub>3</sub> của Công ty liên doanh canxicacbonnat YBB; dự án nhà điều hành cấp 3 của Công ty cổ phần vận tải Sơn Hà,...

Khu vực vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 377.473 triệu đồng, chiếm 3,2%, đạt 31,46% kế hoạch năm 2021, giảm 3,24% so với cùng kỳ.

Trong toàn bộ các ngành kinh tế, các ngành chiếm tỷ trọng đầu tư lớn trong 9 tháng 2021 là: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 4,89% (chủ yếu là đầu tư cho thủy lợi); công nghiệp chế biến, chế tạo 7,21% (chủ yếu là các dự án chế biến bột đá, hạt nhựa phụ gia, chế biến gỗ, may mặc xuất khẩu); sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí 19,08% (các dự án thủy điện); vận tải, kho bãi 13,23% (các dự án về giao thông); hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc 7,10%; hoạt động giáo dục và đào tạo 3,64%; y tế và hoạt động cứu trợ xã hội 3,35%; hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình 35,0% (chủ yếu là đầu tư xây dựng nhà ở trong dân).

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thuộc kế hoạch năm 2021, UBND tỉnh đã yêu cầu các chủ đầu tư: Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công của các công trình, dự án, đảm bảo chất lượng, tiến độ tại tất cả các khâu của dự án, xây dựng tiến độ chi tiết đối với từng dự án, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động, an toàn công trình và vệ sinh môi trường. Kiên quyết thay thế những nhà thầu không đáp ứng được chất lượng, tiến độ theo yêu cầu đã đề ra. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng; chủ động

<sup>7</sup> Trong đó: Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước ước đạt 3.190.479 triệu đồng, chiếm 40,96%, đạt 60,2% kế hoạch, tăng 4,6% so với cùng kỳ; vốn đầu tư của dân cư đạt ước 4.599.249 triệu đồng, chiếm 59,04%, đạt 76,08% kế hoạch, tăng 11,33% so với cùng kỳ.

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ thi công các công trình. Khả năng thanh toán hoàn thiện hồ sơ thanh toán đối với các dự án đã hoàn thành, các dự án chuyển tiếp, nhất là các dự án khắc phục hậu quả thiên tai, các dự án công trình trọng điểm; đối với các dự án có tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân thấp cần điều chuyển vốn sang cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, các dự án có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án trọng điểm, quan trọng, cấp bách.

### 3.2. Xây dựng

Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý III/2021 theo giá thực tế ước đạt 3.120.491 triệu đồng, tăng 22,56% so với quý trước, tăng 11,49% so cùng kỳ năm trước. Giá trị sản xuất xây dựng quý theo giá so sánh 2010 ước đạt 2.065.178 triệu đồng, tăng 20,78% so với quý trước, tăng 7,61% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021 giá trị sản xuất xây dựng theo giá thực tế ước đạt 7.476.773 triệu đồng<sup>8</sup>, tăng 10,28% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 4.948.367 triệu đồng<sup>9</sup>, tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước,

Kết quả trên cho thấy giá trị xây dựng quý III và 9 tháng đầu năm 2021 tăng so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, trong đó các dự án trọng điểm, các dự án có mức vốn giao kế hoạch lớn và môi trường kinh doanh được cải thiện hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp trong tỉnh và doanh nghiệp ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cũng như thúc đẩy kinh tế phát triển. Trong quản lý đầu tư có sự thay đổi, qua việc các nhà thầu đã đảm bảo đủ nhân lực, máy móc phương tiện, triển khai trên công trường, tiến độ thi công theo đúng cam kết; việc phối hợp các khâu tổ chức thẩm định, cấp phép, nghiệm thu, thanh quyết toán cải thiện đáng kể. Đối với khu vực hộ dân cư, mặc dù giá cả vật liệu xây dựng những trong năm 2021 tăng mạnh nhưng do thời tiết thuận lợi và nhu cầu xây dựng nhà và các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh ở khu vực dân cư có xu hướng tăng.

Tổng quan tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) của các doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý III/2021 so với quý trước, có 19,70% doanh nghiệp có kết quả SXKD thuận lợi hơn, 28,79% doanh nghiệp giữ ổn định và 51,52% gặp khó khăn hơn (chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài nhà nước). Trong các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành xây dựng trong quý III/2021: (1) Về chi phí nguyên, vật liệu có 46,97% doanh

<sup>8</sup> Trong đó: Doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện được 3.728.569 triệu đồng (chiếm 49,9%), tăng 9,43% so với cùng kỳ năm trước; các loại hình khác (gồm xã/phường/thị trấn và hộ dân cư) thực hiện được 3.748.204 triệu đồng (chiếm 50,1%), tăng 11,26% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>9</sup> trong đó: Công trình nhà ở đạt 2.165.668 triệu đồng (chiếm 43,8%), tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; công trình nhà không ở đạt 1.073.450 triệu đồng (chiếm 22,7%), tăng 22,09% so với cùng kỳ năm trước; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 1.648.750 triệu đồng (chiếm 33,3%), tăng 4,87% so với cùng kỳ năm trước; hoạt động xây dựng chuyên dụng 60.499 triệu đồng (chiếm 1,2%), bằng 50,1% so với cùng kỳ năm trước.

ng nghiệp đánh giá là tăng, 30,30% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 22,73% doanh nghiệp đánh giá là không đổi; (2) Về chi phí nhân công có 43,94% doanh nghiệp đánh giá là tăng, 30,30% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 25,76% doanh nghiệp đánh giá là không đổi; (3) Về số lao động thường xuyên có 13,64% doanh nghiệp đánh giá là tăng, 10,61% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 75,76% doanh nghiệp đánh giá là không đổi; (4) Về số lao động thời vụ có 39,39% doanh nghiệp đánh giá là tăng, 34,85% doanh nghiệp đánh giá là giảm và 25,76% doanh nghiệp đánh giá là không đổi.

#### **4. Hoạt động thương mại, dịch vụ**

Nhìn chung hoạt động thương mại dịch vụ 9 tháng của tỉnh đã có tăng trưởng khá, các hoạt động đã trở lại bình thường (hoạt động vũ trường và dịch vụ karaoke đã cho mở cửa trở lại), tuy nhiên hoạt động vận tải vẫn gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 tại nhiều tỉnh thành trên cả nước dẫn đến việc hạn chế đi lại của người dân, khó khăn trong việc vận tải hàng hóa liên tỉnh.

Công tác quản lý thị trường luôn được chú trọng. Các lực lượng chức năng, các đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng có các hành vi buôn lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng cấm,... thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các nhà hàng về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ nhà hàng, khách sạn để bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh ổn định và phát triển trên địa bàn.

##### **4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, lưu trú, ăn uống**

Dự ước tháng 9/2021 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.758 tỷ đồng, tăng 0,86% so với tháng trước và tăng 5,91% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 15.897,7 tỷ đồng, tăng 12,83% so với cùng kỳ năm trước. Cụ Thể:

Ước tổng mức bán lẻ trên địa bàn tỉnh Yên Bái tháng 9/2021 đạt 1.562,4 tỷ đồng<sup>10</sup>, tăng 0,41% so tháng trước, tăng 7,19% so cùng kỳ năm trước. Trong tất cả các nhóm hàng so với tháng trước, tăng mạnh nhất là nhóm gỗ và vật liệu xây dựng (tăng 1,29%) do đang thời điểm mùa xây dựng cuối năm các chủ công trình, các hộ dân cư đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản. Nhu cầu về vật liệu xây dựng (xi măng, sắt thép, cát sỏi) cũng su hướng tăng hơn... Bên cạnh đó nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình; nhóm ô tô con (dưới

<sup>10</sup> Trong đó: Kinh tế nhà nước ước đạt 54,3 tỷ đồng, tăng 0,45% so tháng trước, tăng 2,66% so cùng kỳ năm trước; kinh tế tập thể ước đạt 6 tỷ đồng, tăng 0,23% so tháng trước, tăng 0,13% so cùng kỳ năm trước; kinh tế cá thể ước đạt 1.039,4 tỷ đồng, tăng 0,38% so tháng trước, tăng 6,76% so cùng kỳ năm trước; kinh tế tư nhân ước đạt 462,7 tỷ đồng, tăng 0,47% so tháng trước, tăng 8,84% so cùng kỳ năm trước.

9 chỗ ngồi); nhóm phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) tăng do tháng trước là tháng 7 âm lịch theo quan niệm dân gian kiêng mua các đồ dùng có giá trị lớn, đây cũng là nguyên nhân làm tổng mức bán lẻ tháng này tăng so với tháng trước. Tính chung tổng mức bán lẻ hàng hóa 9 tháng đạt 14.192,8 tỷ đồng<sup>11</sup>, tăng 12,94% so cùng kỳ năm trước; Trong đó: Nhóm lương thực, thực phẩm đạt 6.778,9 tỷ đồng, tăng 9,88%; hàng may mặc đạt 627,8 tỷ đồng, tăng 15,66%; đồ dùng, dụng cụ gia đình đạt 1.157,5 tỷ đồng, tăng 13,56%; vật phẩm văn hóa giáo dục đạt 132,8 tỷ đồng, tăng 8,65%; gỗ và vật liệu xây dựng đạt 1.957 tỷ đồng, tăng 12,20%; ô tô (dưới 9 chỗ ngồi) đạt 296 tỷ đồng, tăng 14,9%; phương tiện đi lại trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) đạt 1.129,2 tỷ đồng, tăng 17,51%; xăng dầu các loại đạt 1.118,6 tỷ đồng, tăng 21,13%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) đạt 115,6 tỷ đồng, tăng 33,8%; đá quý, kim loại quý đạt 121,5 tỷ đồng, tăng 25,85%; hàng hóa khác đạt 462,2 tỷ đồng, tăng 14,97%; dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 295,6 tỷ đồng, tăng 22,17% so cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 9/2021 ước đạt 56,8 tỷ đồng<sup>12</sup>, tăng 2,63% so tháng trước, giảm 0,39% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân doanh thu các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh Yên Bái tăng nhẹ trong tháng 9 năm 2021 là do trong thời gian vừa qua, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự chung tay, góp sức, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, tỉnh Yên Bái vẫn đang kiểm soát tốt dịch bệnh, là "vùng xanh" an toàn trên bản đồ dịch bệnh của cả nước. Nhằm tiếp tục giữ vững thành quả cũng như thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” theo chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh đã ban hành văn bản số 3127/BCĐ-VX về việc nói lỏng một số hoạt động trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại trên địa bàn như: quán bia, quán nước, giải khát, dịch vụ làm đẹp, khu thể thao, vui chơi giải trí... nhưng các cơ sở vẫn phải chấp hành thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch. Tính chung doanh thu hoạt động dịch vụ 9 tháng đạt 522,0 tỷ đồng<sup>13</sup>, tăng 11,72% so cùng kỳ năm trước; Trong đó: So cùng kỳ năm trước doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 43,8 tỷ đồng, tăng 7,07%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 97,8 tỷ đồng, tăng 13,4%; giáo dục và đào tạo đạt 11,3 tỷ đồng, tăng 11,95%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 86,6 tỷ đồng, tăng 12,84%; dịch vụ nghệ thuật,

<sup>11</sup> Chia ra: Kinh tế Nhà nước đạt 492,1 tỷ đồng, tăng 3,1%; kinh tế tập thể đạt 55,7 tỷ đồng, tăng 2,55%; kinh tế cá thể đạt 9.495 tỷ đồng, tăng 13,48%; kinh tế tư nhân đạt 4.150 tỷ đồng, tăng 13,15% so cùng kỳ năm trước.

<sup>12</sup> Chia ra: Kinh tế Nhà nước đạt 6,2 tỷ đồng, tăng 0,54% so tháng trước, giảm 6,64% so cùng kỳ năm trước; kinh tế tập thể đạt 0,05 tỷ đồng, tăng 0,54% so tháng trước, giảm 4,43% so cùng kỳ năm trước; kinh tế cá thể đạt 44,0 tỷ đồng, tăng 2,78% so tháng trước, tăng 1,26% so cùng kỳ năm trước; kinh tế tư nhân đạt 6,6 tỷ đồng, tăng 3,65% so tháng trước, giảm 4,73% so cùng kỳ năm trước.

<sup>13</sup> Chia ra: Kinh tế Nhà nước đạt 60,3 tỷ đồng, tăng 4,55%; kinh tế tập thể đạt 0,5 tỷ đồng, tăng 4,2%; kinh tế cá thể đạt 399,1 tỷ đồng, tăng 13,68%; kinh tế tư nhân ước đạt 62,1 tỷ đồng, tăng 7,04%.

vui chơi và giải trí đạt 107,3 tỷ đồng, tăng 10,31%; dịch vụ khác đạt 175,2 tỷ đồng, tăng 12,32%.

Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 9/2021 ước đạt 138,8 tỷ đồng<sup>14</sup>, tăng 5,5% so tháng trước, giảm 4,48% so cùng kỳ năm trước. Tính chung doanh thu lưu trú, ăn uống, lữ hành 9 tháng năm 2021 đạt 1.183,1 tỷ đồng<sup>15</sup>, tăng 11,88% so cùng kỳ năm trước; trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 73,2 tỷ đồng, tăng 7,45% so cùng kỳ; ăn uống đạt 1.109,2 tỷ đồng, tăng 12,24% và dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch đạt 0,7 tỷ đồng, giảm 39,12% so cùng kỳ năm trước.

Lượt khách phục vụ tháng 9/2021 ước đạt 28.128 lượt khách, tăng 3,62% so tháng trước, giảm 20,58% so cùng kỳ năm trước. Ngày khách phục vụ ước đạt 42.740 ngày khách, tăng 2,64% so tháng trước, giảm 11,3% so cùng kỳ năm trước, lượt khách du lịch theo tour đạt 35 lượt khách, giảm 65,4% so với cùng kỳ năm trước; ngày khách du lịch theo tour đạt 88 ngày khách, giảm 50,56% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2021 lượt khách phục vụ đạt 289.293 lượt khách, tăng 13,83% so cùng kỳ năm trước; ngày khách phục vụ đạt 455.167 ngày khách, tăng 25,71% so cùng kỳ năm trước; lượt khách du lịch theo tour đạt 450 lượt khách, giảm 37,99% so cùng kỳ năm trước; ngày khách du lịch theo tour đạt 865 ngày khách giảm, 35,15% so cùng kỳ năm trước.

#### **4.2. Tình hình vận tải**

Trong tháng tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh được kiểm soát, có ngày lễ Quốc khánh 2/9, nhu cầu du lịch mùa lúa chín ruộng bậc thang Mù Cang Chải, nhu cầu vận tải vật liệu xây dựng các công trình tăng là những nguyên nhân hoạt động vận tải hành khách, hàng hoá tháng này tăng cao hơn tháng trước. Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 9/2021 ước đạt 78.426,2 triệu đồng, tăng 2,16% so tháng trước, giảm 25,7% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm doanh thu vận tải kho bãi đạt 802,5 tỷ đồng, giảm 3,62% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Vận tải hàng hoá: Ước tính tháng 9/2021 khối lượng hàng hoá vận chuyển của toàn tỉnh (khu vực kinh tế ngoài nhà nước) bao gồm cả đường bộ và đường sông đạt 750.406 tấn; 15.286.913 tấn.km; 61.031,4 triệu đồng doanh thu. So tháng trước tăng 1,35% về tấn, tăng 1,74% về tấn.km, tăng 1,76% về doanh thu. So cùng kỳ năm trước giảm 8,66% về tấn, giảm 10,61%

<sup>14</sup> Chia ra: Kinh tế Nhà nước đạt 0,04 tỷ đồng, tăng 1,82% so tháng trước, giảm 9,47% so cùng kỳ; kinh tế tập thể đạt 0,2 tỷ đồng, tăng 1,21% so tháng trước, giảm 17,46% so cùng kỳ; kinh tế cá thể đạt 135,8 tỷ đồng, tăng 5,48% so tháng trước, giảm 4,44% so cùng kỳ; kinh tế tư nhân đạt 2,6 tỷ đồng, tăng 6,7% so tháng trước, giảm 5,22% so với cùng kỳ năm trước. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 0,1 tỷ đồng, tăng 5,67% so tháng trước, giảm 7,57% so cùng kỳ năm trước.

<sup>15</sup> Chia ra: Kinh tế Nhà nước đạt 0,4 tỷ đồng, giảm 2,12%; kinh tế tập thể đạt 1,6 tỷ đồng, tăng 0,31%; kinh tế cá thể đạt 1.158,4 tỷ đồng, tăng 11,73%; kinh tế tư nhân đạt 21,8 tỷ đồng, tăng 22,99% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 0,9 tỷ đồng, giảm 7,57% so cùng kỳ năm trước.

về tấn.km, giảm 9,58% về doanh thu. Tính chung 9 tháng năm 2021 khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 7.185.859 tấn; 145.825.915 tấn.km; 552.797,3 triệu đồng doanh thu. So với kế hoạch đạt 72,58% về tấn, đạt 74,02% về tấn.km. So cùng kỳ năm trước giảm 0,21% về tấn, giảm 0,37% về tấn.km, giảm 0,56% về doanh thu.

Vận tải hành khách: Ước thực hiện tháng 9/2021 đạt 427.600 người; 21.477.043 người.km; 16.411,5 triệu đồng doanh thu. So tháng trước tăng 3,44% về người; tăng 3,97% về người.km, tăng 3,61% về doanh thu. So cùng kỳ năm trước giảm 55,71% về người, giảm 57,59% về người.km, giảm 54,76% về doanh thu. Tính chung 9 tháng khối lượng hành khách vận chuyển đạt 6.003.155 người; 34.223.042 người.km; 237.890,5 triệu đồng doanh thu. So với kế hoạch đạt 53,13% về người, đạt 53,48% về người.km. So cùng kỳ năm trước giảm 13,04% về người, giảm 10,14% về người.km, giảm 9,35% về doanh thu.

### **5. Một số vấn đề xã hội**

Tình hình văn hoá - xã hội trong 9 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh ổn định, an ninh chính trị được giữ vững. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đón Tết Nguyên Đán với không khí vui tươi, phấn khởi, an toàn và tiết kiệm. Các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm ngày thành lập Đảng CSVN, ngày quốc tế phụ nữ, ngày thành lập đoàn, ngày giải phóng miền Nam, ngày sinh nhật Bác được tổ chức đúng kế hoạch. Công tác tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được các địa phương chú trọng tăng cường. Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, đời sống dân cư được duy trì.

Cục Thống kê tỉnh Yên Bái trân trọng báo cáo./.

**CỤC TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

**Vũ Tuấn Hà**